

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2017

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

– Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hươn.

2/ Ông Đỗ Văn Bê.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hà–Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 408/2017/TLST–HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXXST–HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1984 (có mặt).

HKTT: 86/10, tổ 2, khu Phước Long , thị trấn Long Thành , huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Nhà trọ ông Năm Giãn – 1032/10, tổ 8, Ấp Xóm Gò, xã Long Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

2/ Bị đơn: Anh Tạ Duy K, sinh năm 1977 (vắng mặt).

HKTT: 86/10, tổ 2, khu Phước Long , thị trấn Long Thành , huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày: Chị và anh K xây dựng gia đình vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến 2009 phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân anh K quan hệ tình cảm với phụ nữ khác , vợ chồng sống không hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh K. Vợ chồng ly thân từ năm 2009 đến nay, không ai quan tâm đến ai, chị sống tại ấp Xóm Gò, xã Long Phước, huyện Long Thành; anh K sống tại khu Phước Long, thị trấn Long Thành . Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

– Về con chung: Có 01 cháu Tạ Trần Nhã T, sinh ngày 27/10/2006. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 7 năm 2017, bị đơn anh Tạ Duy K trình bày: Anh và chị N kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Thành. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân về tiền bạc, tình cảm. Chị N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

– Về con chung: Có 01 cháu Tạ Trần Nhã Tú, sinh ngày 27/10/2006. Nếu ly hôn, anh đồng ý để chị N nuôi dưỡng cháu Tú, anh không cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao cháu T cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Anh Tạ Duy K được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

Về nội dung:

Chị N và anh K chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng được nguyên đơn xác định do anh K quan hệ tình cảm với phụ nữ khác nên vợ chồng sống không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn. Về phía bị đơn anh K xác định do mâu thuẫn về tiền bạc, tình cảm nên vợ chồng sống không hạnh phúc. Quá trình Tòa án giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để xác định nguyên nhân mâu thuẫn và hòa giải để vợ chồng đoàn tụ chung sống lại với nhau, nhưng anh K vẫn không đến. Do anh K không đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn, xác minh của Tòa án và các chứng cứ, tài liệu Tòa án đã thu thập được có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng là do anh K quan hệ tình cảm với phụ nữ khác, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

– Về con chung: Có 01 cháu Tạ Trần Nhã T, sinh ngày 27/10/2006, hiện cháu T đang sống chung với chị N. Chị N đề nghị được nuôi dưỡng cháu T, không yêu

cầu cấp dưỡng nuôi con, anh K đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu T cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N nuôi con không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

– Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Chị N là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị N được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp. Chị N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 266, 271, 273, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 10, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56 và Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N, chị N được ly hôn anh Tạ Duy K.

– Về con chung: Giao cháu Tạ Trần Nhã T, sinh ngày 27/10/2006 cho chị N nuôi dưỡng, anh K không cấp dưỡng nuôi con. Anh K có quyền thăm nom con không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

– Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Về nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

2/ Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, chị N được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 006477 ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị N đã nộp đủ án phí.

3/ Chị Trần Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tạ Duy K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện KSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND thị trấn Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

